

KẾT QUẢ VÒNG 1 KỲ THI TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC TỔNG CỤC THUẾ NĂM 2016 VÀO CỤC THUẾ TUYÊN QUANG

(Kèm theo Thông báo số 3108 /TB-HĐTD ngày 05/9/2017 của Chủ tịch HĐTD công chức Tổng cục Thuế năm 2016)

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
I. Chuyên viên và Kiểm tra viên thuế																			
1	Châu Thị Quỳnh	Anh				16	11	1987	Na Hang - Tuyên Quang	Trường Đại học Điện lực	Kế toán	DTTS	TQU00008	20	60.00	33.75	55.00		TQU00106
2	Đặng Thị Đẹp	Anh				1	9	1988	xã Sơn Đông, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc	Đại học Lâm nghiệp	Kinh tế		TQU00011		47.50	72.50	77.50		TQU00048
3	Nguyễn Triệu Mai	Anh				26	9	1993	thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang	Trường Đại học phương đông	Tài chính - Ngân hàng		TQU00041		62.50	50.00	70.00		TQU00158
4	Nguyễn Văn	Anh				14	12	1994	Sơn Bằng, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh	Đại học Luật hà Nội	Luật		TQU00043		80.00	61.25	57.50		TQU00005
5	Phạm Đức	Anh	20	5	1987				Liên Túc - huyện Thanh Lliêm - tỉnh Hà Nam	Trường học viện Tài chính	Kế toán - Doanh nghiệp		TQU00046		VT	VT	VT		TQU00157
6	Phạm Thị Lan	Anh				26	7	1992	Xã Tân Trào - huyện Sơn Dương - tỉnh Tuyên Quang	Trường học viện Tài chính	Kế toán - Doanh nghiệp	DTTS	TQU00050	20	50.00	MT	55.00		TQU00149
7	Sỹ Thị Kim	Anh				15	5	1987	xã An Bình, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh	Học viện Tài chính	Kế toán doanh nghiệp		TQU00054		72.50	51.25	60.00		TQU00082
8	Châu Thị	Chi				23	6	1993	Nà Kém, xã Khuân Hà, huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang	Trường Đại học kinh tế và quản trị kinh doanh	Kinh tế - Đầu tư	DTTS	TQU00086	20	85.00	43.75	72.50		TQU00170
9	Ngô Quang	Chiến	18	7	1991				xã Kha Sơn, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên	Đại học Công nghiệp Hà Nội	Tài chính - Ngân hàng		TQU00098		50.00	55.00	70.00		TQU00042
10	Nguyễn Việt	Chinh				22	6	1995	Phù Lập - xã Tam Phúc - huyện Vĩnh Tường - TP Tuyên Quang - tỉnh Tuyên Quang	Trường Đại học tài chính quản trị kinh doanh	Ngân hàng		TQU00101		65.00	40.00	60.00		TQU00144
11	Âu Duy	Chinh	22	7	1990				Đồng Thọ - huyện Sơn Dương - tỉnh Tuyên Quang	Trường Đại học ngoại thương	Kinh tế - Đối ngoại	DTTS	TQU00103	20	82.50	76.25	82.50		TQU00152
12	Phạm Xuân	Đại	14	7	1993				Tổ 1, thị trấn Na Hang, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang	Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh - Đại học Thái Nguyên	Kinh tế đầu tư		TQU00130		VT	VT	VT		TQU00123
13	Bùi Lê Hương	Diệp				3	12	1993	xã Gia Hòa, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình	Đại học Hùng Vương	Quản trị kinh doanh		TQU00152		45.00	48.75	37.50		TQU00006
14	Lê Thị Thủy	Dung				9	12	1991	Ngọc Hội, Chiêm Hóa, Tuyên Quang	Đại học Kinh tế và quản trị kinh doanh Thái Nguyên	Kế toán tổng hợp		TQU00174		57.50	50.00	50.00		TQU00027
15	Ma Thị	Dung				13	10	1994	Nà Héc - xã Tân Mỹ - huyện Chiêm Hóa - tỉnh Tuyên Quang	Trường Đại học kinh tế và quản trị kinh doanh	Quản lý kinh tế	DTTS	TQU00176	20	42.50	40.00	67.50		TQU00145
16	Nguyễn Thị Kim	Dung				31	12	1990	Thanh Uyên, Tam Nông, Phú Thọ	Đại học Kinh tế và quản trị kinh doanh Thái Nguyên	Kế toán tổng hợp		TQU00182		47.50	32.50	55.00		TQU00036
17	Nguyễn Thị Ngọc	Dung				14	10	1994	xã Tuấn Hưng, huyện Kim Thanh, tỉnh Hải Dương	Đại học Luật hà Nội	Luật		TQU00183		62.50	61.25	52.50		TQU00086
18	Lã Đức	Dũng	28	9	1993				xã Thắng Quân, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang	Trường Đại học Luật Hà Nội	Luật	DTTS	TQU00192	20	45.00	35.00	35.00		TQU00178
19	Nguyễn Thị Thủy	Dương				30	3	1993	xã Trung Môn, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang	Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội	Kế toán và thanh toán ngân hàng thương mại		TQU00209		VT	VT	VT		TQU00062
20	Nguyễn Việt	Dương	10	9	1990				Đan Phượng, Hà Nội	Học viện Ngân hàng	Ngân hàng thương mại		TQU00211		VT	VT	VT		TQU00007
21	Vũ Quý	Dương	29	1	1992				Đồng Hưng, Thái Bình	Học viện Tài chính	Tài chính doanh nghiệp		TQU00215		82.50	62.50	72.50		TQU00026
22	Cần Đức	Duy	20	10	1994				xã Kim Chung, huyện Hoài Đức, tp Hà Nội	Viện Đại học mở Hà Nội	Luật Kinh tế		TQU00216		52.50	33.75	45.00		TQU00010
23	Tạ Khánh	Duy	21	10	1995				xá An Tường, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang	Trường Đại học Luật Hà Nội	Luật		TQU00220		57.50	75.00	80.00		TQU00180

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi				Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học			
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm												
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	
24	Đặng Hồng	Duyên				7	10	1995	xóm km9, xã Thắng Quân, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang	Trường Đại học Luật Hà Nội	Luật	DTTS	TQU00221	20	57.50	35.00	47.50		TQU00179	
25	Nguyễn Thị	Hà				13	1	1991	SN 5b - ngõ 72 - đường Trần Thủ Độ - p. Tiên Phong - TP Thái Bình - tỉnh Thái Bình	Trường Đại học kinh tế kỹ thuật công nghiệp	Kế toán	Con TB	TQU00261	20	VT	VT	VT		TQU00143	
26	Nguyễn Thị Ngọc	Hà				13	5	1990	tỉnh Thái Bình	Trường Đại học kinh doanh và công nghiệp hà nội	Tài chính - Ngân hàng		TQU00265		45.00	46.25	70.00		TQU00163	
27	Nguyễn Thu	Hà				17	12	1989	xã Hưng Đạo, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương	Đại học Ngoại thương	Chính sách và luật thương mại quốc tế		TQU00272		67.50	MT	72.50		TQU00001	
28	Nguyễn Tiến	Hà	5	1	1991				xã Cáp Tiến, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang	Đại học Kinh tế và quản trị kinh doanh Thái Nguyên	Tài chính doanh nghiệp		TQU00274		45.00	50.00	82.50		TQU00023	
29	Trần Thu	Hà				5	4	1993	xã Kim Phú, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang	Học viện Tài chính	Tài chính - Ngân hàng		TQU00283		52.50	33.75	65.00		TQU00140	
30	Vũ Hoàng Linh	Hà				16	10	1990	Yên Sơn, Tuyên Quang	Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội	Kế toán		TQU00286		50.00	43.75	62.50		TQU00078	
31	Vũ Thu	Hà				19	8	1980	Xã Hải Thanh, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định	Trường Đại học Thương Mại	Kế toán - Tài chính doanh nghiệp thương mại		TQU00289		65.00	66.25	67.50		TQU00107	
32	Nguyễn Thị Thu	Hải				4	5	1981	xã Thanh Bình, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương	Đại học Quốc gia Hà Nội	Quản trị kinh doanh		TQU00299		52.50	36.25	70.00		TQU00121	
33	Nguyễn Thu	Hằng				3	3	1992	phường Minh Xuân, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang	Trường Đại học tài chính ngân hàng hà nội	Kế toán		TQU00340		VT	VT	VT		TQU00173	
34	Trần Thị Thúy	Hằng				12	10	1991	xã Thanh Lưu, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam	Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội	Tài chính		TQU00342		VT	VT	VT		TQU00045	
35	Đàm Thị Mỹ	Hạnh				4	6	1991	An Cầu - huyện Quỳnh Phụ - tỉnh Thái Bình	Trường Đại học kinh tế quốc dân	Tài chính - Doanh nghiệp		TQU00347		VT	VT	VT		TQU00147	
36	Trần Thị Thu	Hào				15	9	1993	Tuyên Quang	Học viện Ngân hàng	Hệ thống thông tin quản lý	DTTS	TQU00367	20	VT	VT	VT		TQU00126	
37	Nguyễn Thị	Hậu				15	1	1990	xã Chí Đăm, huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ	Học viện Ngân hàng	Kế toán doanh nghiệp		TQU00373		92.50	57.50	82.50		TQU00032	
38	Ma Thị Thu	Hiền				11	12	1990	xã Xuân Quang, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang	Đại học Công nghiệp Hà Nội	Kế toán	DTTS	TQU00382	20	47.50	36.25	60.00		TQU00075	
39	Nguyễn Thị Thu	Hiền				20	2	1991	Ninh Bình	Đại học Ngoại thương	Ngân hàng và Tài chính quốc tế		TQU00391		70.00	MT	75.00		TQU00100	
40	Nguyễn Thị Thu	Hiền				29	7	1984	Hưng Hà, Thái Bình	Đại học Kinh tế quốc dân	Kế toán tổng hợp	Con NHĐKC bị NCDHH	TQU00389	20	57.50	45.00	77.50		TQU00019	
41	Nguyễn Thu	Hiền				5	9	1990	Tuyên Quang	Trường Đại học phương đông	Kế toán		TQU00393		65.00	MT	62.50		TQU00142	
42	Lương Thị Bích	Hiệp				4	11	1983	thôn Diểng, xã Nhân Lý, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang	Đại học Thương Mại	Kế toán - Tài chính doanh nghiệp thương mại	DTTS	TQU00402	20	VT	VT	VT		TQU00079	
43	Lê Trung	Hiếu	9	3	1987				xã An Khang, tp Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang	Đại học Điện lực	Kế toán	HTNVQS	TQU00410	10	52.50	58.75	57.50		TQU00022	
44	Bùi Thị	Hòa				1	8	1991	Phần Mễ, Phú Lương, Thái Nguyên	Đại học Kinh tế và quản trị kinh doanh Thái Nguyên	Kế toán tổng hợp		TQU00422		67.50	42.50	52.50		TQU00043	
45	Đinh Thị Thúy	Hồng				10	7	1990	La Sơn, Bình Lục, Hà Nam	Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội	Tài chính - Ngân hàng		TQU00459		75.00	75.00	82.50		TQU00055	
46	Nguyễn Thị	Hồng				15	4	1992	xóm Ao Sen, thôn Cầu Đá, xã Hợp Hòa, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang	Đại học Thương Mại	Kế toán doanh nghiệp	Con BB	TQU00465	20	67.50	38.75	72.50		TQU00009	
47	Trần Thị	Hồng				1	8	1989	Phú Châu, Đông Hưng, Thái Bình	Học viện Tài chính	Kế toán doanh nghiệp		TQU00468		85.00	52.50	77.50		TQU00053	
48	Hoàng Thanh	Huế				9	7	1993	tp Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang	Đại học Điện lực	Kế toán doanh nghiệp		TQU00474		65.00	53.75	55.00		TQU00014	

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
49	Nguyễn Mạnh	Hùng	14	10	1990				Chí Linh, Hải Dương	Đại học Kinh tế - Kỹ thuật công nghiệp	Kế toán		TQU00501		VT	VT	VT		TQU00072
50	Trần Dịu	Hương				28	4	1990	Sơn Dương, Tuyên Quang	Trường Đại học kinh doanh và công nghiệp hà nội	Ngân hàng		TQU00536		70.00	27.50	57.50		TQU00167
51	Trần Thị Mai	Hương				3	10	1983	Ninh Bình	Trường Đại học Lương Thế Vinh	Kế toán		TQU00538		VT	VT	VT		TQU00115
52	Nguyễn Quốc	Huy	18	10	1980				xã Việt Hùng, huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định	Đại học Thương Mại	Kế toán		TQU00555		62.50	41.25	60.00		TQU00091
53	Châu Thị	Huyền				19	11	1984	Thôn Bó Ngoang, xã Phúc Sơn, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang	Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh - Đại học Thái Nguyên	Kế toán tổng hợp	DTTS	TQU00559	20	50.00	40.00	60.00		TQU00113
54	Triệu Thị	Huyền				13	4	1987	Trí Phú, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang	Đại học Kinh tế quốc dân	Quản trị doanh nghiệp	DTTS	TQU00561	20	VT	VT	VT		TQU00084
55	Lương Thị Thương	Huyền				24	9	1987	thị trấn Sơn Dương, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang	Trường học viện Tài chính	Kế toán		TQU00570		VT	VT	VT		TQU00164
56	Nông Thị	Huyền				11	5	1989	huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang	Đại học Kinh tế và quản trị kinh doanh Thái Nguyên	Kế toán tổng hợp	DTTS	TQU00586	20	37.50	37.50	62.50		TQU00017
57	Seo Thị Thu	Huyền				1	6	1992	tổ 3, thị trấn Việt Quang, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang	Học viện Tài chính	Tài chính doanh nghiệp	DTTS	TQU00590	20	VT	VT	VT		TQU00070
58	Trần Thanh	Huyền				19	5	1990	Mỹ Bằng, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang	Trường Đại học lao động xã hội	Kế toán		TQU00592		VT	VT	VT		TQU00177
59	Nông Bé	Khiêm				11	3	1992	Vĩnh Yên, Na Hang, Tuyên Quang	Học viện Chính sách và phát triển	Kinh tế Kế hoạch phát triển	DTTS	TQU00600	20	52.50	65.00	65.00		TQU00080
60	Lưu Đình	Khôi	19	7	1987				xóm Trại Xám, xã Hồng Quang, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định	Đại học Kinh tế quốc dân	Kế toán tổng hợp		TQU00605		77.50	45.00	72.50		TQU00040
61	Nguyễn Trung	Kiên	23	10	1990				Lăng Can, huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang	Học viện Tài chính	Quản lý tài chính công	DTTS	TQU00617	20	VT	VT	VT		TQU00092
62	Trần Trung	Kiên	15	11	1994				Thái Giang, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình	Trường Đại học York St John	Quản lý kinh doanh		TQU00620		30.00	MT	67.50		TQU00141
63	Nguyễn Thị Hương	Lan				4	9	1990	xã Thái Bình, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang	Trường Đại học Tài chính - Ngân hàng Hà Nội	Tài chính doanh nghiệp	DTTS	TQU00639	20	50.00	35.00	60.00		TQU00120
64	Nông Thị	Lan				9	7	1993	thôn Đầu Cầu, xã Nhân Lý, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang	Đại học Luật hà Nội	Luật	DTTS	TQU00640	20	65.00	56.25	75.00		TQU00039
65	Châu Thị Hồng	Liên				25	10	1988	Xa Khuân Hà, huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang	Đại học Kinh tế quốc dân	Tài chính doanh nghiệp	DTTS	TQU00656	20	52.50	38.75	60.00		TQU00128
66	Đặng Thị	Liên				10	10	1991	xã Đức Ninh, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang	Đại học Kinh tế quốc dân	Ngân hàng		TQU00657		85.00	62.50	80.00		TQU00013
67	Vũ Ngọc Kim	Liên				23	2	1991	Thị trấn Sơn Dương, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang	Trường Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội	Ngân hàng	DTTS	TQU00665	20	VT	VT	VT		TQU00119
68	Hoàng Diệu	Linh				10	12	1993	xã Khuân Hà, huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang	Trường Đại học Luật Hà Nội	Luật	DTTS	TQU00681	20	VT	VT	VT		TQU00109
69	Lê Vũ Tuấn	Linh	1	2	1989				xã Lê Lợi, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình	Đại học Lâm nghiệp	Kinh tế lâm nghiệp	Con TB	TQU00689	20	42.50	36.25	50.00		TQU00060
70	Nguyễn Diệu	Linh				4	5	1991	phường Tân Quang, tp Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang	Đại học Đại Nam	Ngân hàng thương mại		TQU00691		VT	VT	VT		TQU00081
71	Nguyễn Mai	Linh				29	8	1991	Sơn Đông, Lập Thạch, Vĩnh Phúc	Đại học Phương Đông	Kế toán	Con TB	TQU00694	20	70.00	37.50	65.00		TQU00030
72	Nguyễn Thùy	Linh				20	4	1988	Vĩnh Lộc - Chiêm Hóa - Tuyên Quang	Đại học Lâm Nghiệp	Kế toán		TQU00699		52.50	42.50	67.50		TQU00134
73	Phạm Thùy	Linh				8	3	1989	Đội Cấn, Yên Sơn, Tuyên Quang	Đại học Kinh tế quốc dân	Quản trị kinh doanh tổng hợp		TQU00707		VT	VT	VT		TQU00020
74	Vương Thùy	Linh				19	7	1992	Huyện Đông Anh, TP Hà Nội	Trường Đại học Thành Đô	Kế toán		TQU00717		VT	VT	VT		TQU00112

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
75	Nguyễn Thị	Loan				19	8	1989	Tân Mỹ, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang	Trường Đại học kinh tế và quản trị kinh doanh thái nguyên	Kế toán - Tổng hợp	DTTS	TQU00722	20	VT	VT	VT		TQU00168
76	Phạm Thị Thanh	Loan				27	7	1992	Văn Lang, Hạ Hòa, Phú Thọ	Đại học Kinh tế quốc dân	Kinh tế Kế hoạch		TQU00726		87.50	61.25	75.00		TQU00058
77	Vũ Thị	Lộc				20	8	1992	xã An Đạo, huyện Phú Ninh, tỉnh Phú Thọ	Học viện Tài chính	Thuế	DTTS	TQU00728	20	90.00	62.50	80.00		TQU00003
78	Nguyễn Thị	Luyến				24	6	1993	Chí Đám - Đoan Hùng - Phú Thọ	Đại học Công nghiệp Việt Trì	Kế toán doanh nghiệp		TQU00750		75.00	38.75	65.00		TQU00133
79	Hà Linh	Ly				23	7	1992	tỉnh Phú Thọ	Trường Đại học hòa bình	Kế toán	DTTS	TQU00752	20	VT	VT	VT		TQU00172
80	Đinh Ngọc	Mai				8	12	1993	huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang	Học viện Ngân hàng	Kế toán doanh nghiệp		TQU00761		60.00	58.75	52.50		TQU00004
81	Hòa Phương	Mai				26	5	1991	xã Thượng Lâm, huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang	Học viện Ngân hàng	Kế toán doanh nghiệp	DTTS	TQU00763	20	70.00	42.50	65.00		TQU00033
82	Phạm Hoàng	Mai				3	2	1990	Đồng Quang, tp Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên	Đại học Thương Mại	Quản trị doanh nghiệp thương mại		TQU00773		72.50	75.00	70.00		TQU00059
83	Vi Thị	Miền				16	9	1994	thôn Cầu Treo, xã Yên Thuận, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang	Đại học Luật hà Nội	Luật	DTTS	TQU00789	20	60.00	35.00	52.50		TQU00038
84	Vũ Bình	Minh	9	6	1993				Tuyên Quang	Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội	Quản lý kinh doanh		TQU00794		52.50	52.50	72.50		TQU00122
85	Duy Thị Ngọc	My				26	4	1993	thị trấn Na Hang, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang	Đại học Kinh tế và quản trị kinh doanh Thái Nguyên	Kế toán tổng hợp	DTTS	TQU00797	20	VT	VT	VT		TQU00085
86	Nguyễn Chí	Nam	10	11	1988				huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc	Đại học Chu Văn An	Tài chính - Ngân hàng	DTTS	TQU00805	20	37.50	57.50	57.50		TQU00016
87	Đỗ Thị Việt	Nga				18	8	1989	Khánh Thủy - Yên Khánh - Ninh Bình	Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh	Kế toán tổng hợp		TQU00811		VT	VT	VT		TQU00116
88	Trần Thị	Ngà				17	10	1988	Kiên Khê - huyện Thanh Liêm - tỉnh Hà Nam	Trường Đại học công nghiệp hà nội	Kế toán		TQU00830		VT	VT	VT		TQU00156
89	Nguyễn Bích	Ngọc				8	12	1992	Phường Ý La, TP Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang	Đại học Thành Đô	Kế toán		TQU00859		52.50	45.00	52.50		TQU00129
90	Nguyễn Minh	Ngọc				27	11	1993	Tiên Hải, Duy Tiên, Hà Nam	Đại học Phương Đông	Tài chính - Ngân hàng		TQU00862		85.00	58.75	75.00		TQU00018
91	Nguyễn Thị Bảo	Ngọc				11	4	1992	xã Cấp Tiến, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang	Trường Đại học hùng vương	Tài chính - Ngân hàng		TQU00866		67.50	35.00	67.50		TQU00171
92	Nguyễn Ánh	Nguyệt				16	12	1989	Gia Lập, Gia Viễn, Ninh Bình	Đại học Công nghiệp Hà Nội	Kế toán		TQU00882		80.00	33.75	65.00		TQU00046
93	Hán Thị Hồng	Nhung				9	7	1991	Tuyên Quang	Trường Đại học kinh tế quốc dân	Tài chính - Ngân hàng		TQU00905		VT	VT	VT		TQU00161
94	Nguyễn Thị Trang	Nhung				8	6	1987	Na Hang, Tuyên Quang	Đại học Kinh tế và quản trị kinh doanh Thái Nguyên	Quản trị kinh doanh tổng hợp		TQU00915		VT	VT	VT		TQU00008
95	Phạm Hồng	Nhung				4	11	1990	Nam Thanh, Nam Trực, Nam Định	Đại học Kinh tế quốc dân	Tài chính doanh nghiệp		TQU00917		VT	VT	VT		TQU00095
96	Trần Thị Hồng	Nhung				9	4	1994	tp Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang	Đại học Luật hà Nội	Luật		TQU00919		52.50	71.25	60.00		TQU00063
97	Triệu Thị	Nhung				4	11	1992	Trung Hòa - Chiêm Hóa - Tuyên Quang	Đại học Thương Mại	Kế toán doanh nghiệp	DTTS	TQU00920	20	75.00	47.50	80.00		TQU00130
98	Lương Thanh	Phương				25	9	1994	Xóm Bền - xã Lục Hành - huyện Yên Sơn - tỉnh Tuyên Quang	Trường Đại học luật Hà Nội	Luật kinh tế	DTTS	TQU00950	20	40.00	32.50	50.00		TQU00148
99	Nguyễn Minh	Phương				5	9	1989	Xã Hòa Phú, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang	Đại học Lâm Nghiệp	Kinh tế Lâm nghiệp	DTTS	TQU00957	20	40.00	36.25	52.50		TQU00139
100	Phùng Đức	Phương	3	6	1989				Xã Trung Vương, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng	Trường Đại học Hòa Bình	Tài chính Ngân hàng	DTTS	TQU00973	20	62.50	46.25	57.50		TQU00101
101	Quan Thị	Phương				20	10	1993	xã Tân Mỹ, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang	Trường Đại học kinh tế và quản trị kinh doanh	Kinh tế - Đầu tư	DTTS	TQU00996	20	42.50	37.50	77.50		TQU00175
102	Trần Thị Thu	Phương				19	12	1992	Làng Quán, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang	Trường Đại học Công nghiệp TP Hồ Chí Minh	Kế toán - Kiểm toán		TQU00998		VT	VT	VT		TQU00103

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
103	Đinh Đức	Quảng	27	9	1987				Tu Lý, huyện Đà Bắc, tỉnh Hòa Bình	Trường Đại học Đại Nam	Kế toán	DTTS	TQU01012	20	45.00	VT	VT		TQU00162
104	Nguyễn Hà	Quảng	20	8	1993				Việt Yên, Bắc Giang	Đại học Công đoàn	Tài chính doanh nghiệp	DTTS	TQU01013	20	55.00	50.00	67.50		TQU00088
105	Bùi Thị Như	Quỳnh				28	2	1989	Phường Văn Đầu, quận Kiến An, TP Hải Phòng	Viện Đại học mở Hà Nội	Kế toán		TQU01028		70.00	62.50	62.50		TQU00132
106	Đỗ Thị Như	Quỳnh				5	11	1992	huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ	Trường Đại học tài chính ngân hàng hà nội	Kế toán		TQU01030		VT	VT	VT		TQU00174
107	Nguyễn Hồng	Thái	25	12	1993				Xã An Tường, thành phố tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang	Học viện Tài chính	Quản lý Tài chính công	DTTS	TQU01079	20	85.00	90.00	77.50		TQU00117
108	Lâm Thị	Thanh				16	5	1991	xã Kim Phú, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang	Học viện Khoa học xã hội	Luật	DTTS	TQU01096	20	40.00	42.50	50.00		TQU00083
109	Nguyễn Văn	Thanh	29	12	1982				thôn 3, xã Văn Du, huyện Đoan Hùng ,tỉnh Phú Thọ	Trường Đại học lâm nghiệp	Kế toán	Con TB	TQU01101	20	22.50	30.00	40.00		TQU00159
110	Trần Thị Thanh	Thanh				19	3	1994	Đồng Hà - tỉnh Quảng Trị	Trường Đại học kinh tế kỹ thuật công nghiệp	Kế toán		TQU01105		60.00	40.00	62.50		TQU00154
111	Bùi Thị	Thảo				27	10	1991	Xuân Vân - huyện Yên Sơn - tỉnh Tuyên Quang	Trường Đại học công nghiệp hà nội	Kế toán		TQU01115		35.00	33.75	35.00		TQU00150
112	Châu Thị	Thảo				26	11	1983	hôn Bó Ngoang, xã Phúc Sơn, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang	Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh - Đại học Thái Nguyên	Kế toán tổng hợp	DTTS	TQU01118	20	60.00	38.75	65.00		TQU00111
113	Nguyễn Thị	Thảo				29	1	1987	Thôn Viên Châu 1, xã An Tường, TP Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang	Đại học Công nghiệp Hà Nội	Kế toán		TQU01137		VT	VT	VT		TQU00125
114	Lê Văn	Thế	23	1	1990				thị trấn Na Hang, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang	Đại học Chu Văn An	Tài chính - Ngân hàng	DTTS	TQU01159	20	VT	VT	VT		TQU00073
115	Hoàng Văn	Thiên	21	1	1991				Khuân Hà - huyện Lâm Bình - tỉnh Tuyên Quang	Trường học viện ngân hàng	Tài chính - Doanh nghiệp	DTTS	TQU01162	20	VT	VT	VT		TQU00153
116	Nông Hồng	Thơ				23	10	1994	Sơn Phú - Na Hang - Tuyên Quang	Trường Đại học Tài chính - Ngân hàng Hà Nội	Ngân hàng	DTTS	TQU01168	20	45.00	37.50	47.50		TQU00105
117	Ngô Hoài	Thu				22	10	1993	Kiến Xương, Thái Bình	Đại học Kinh tế quốc dân	Quản lý kinh tế		TQU01186		77.50	67.50	72.50		TQU00087
118	Lê Trần Anh	Thư				1	10	1994	Ninh Sơn, Hoa Lư, Ninh Bình	Đại học Luật hà Nội	Luật		TQU01201		VT	VT	VT		TQU00024
119	Lý Thị Bích	Thục				10	4	1990	xã Đạo Viện, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang	Đại học Kinh tế quốc dân	Tài chính doanh nghiệp	DTTS	TQU01210	20	87.50	56.25	77.50		TQU00065
120	Đào Thương	Thương				11	4	1993	Cầm Khê, Như Thanh, Thanh Hóa	Đại học Kinh tế và quản trị kinh doanh Thái Nguyên	Quản lý kinh tế		TQU01212		57.50	70.00	77.50		TQU00097
121	Nguyễn Phương	Thúy				2	12	1992	thành phố Tuyên Quang - tỉnh Tuyên Quang	Trường Đại học dân lập đông đô	Tài chính - Ngân hàng		TQU01222		52.50	33.75	55.00		TQU00155
122	Lê Thị	Thùy				8	4	1987	xã Vĩnh Khang, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa	Đại học Điện lực	Kế toán		TQU01231		35.00	27.50	30.00		TQU00069
123	Ma Thanh	Thùy				27	4	1993	Thôn Yên Mỹ 1, xã Hoàng Khai, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang	Đại học Quốc gia Hà Nội	Kế toán	DTTS	TQU01232	20	75.00	53.75	70.00		TQU00102
124	Nguyễn Thị Ngọc	Thùy				24	10	1989	xã Đức Xuân, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang	Học viện Tài chính	Tài chính - Ngân hàng	DTTS	TQU01250	20	90.00	61.25	77.50		TQU00031
125	Phạm Thanh	Trà				1	12	1988	Tam Điệp - Ninh Bình	Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội	Kế toán		TQU01273		67.50	41.25	70.00		TQU00108
126	Trần Hoàng Bảo	Trâm				13	10	1993	phường Hưng Thành, tp Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang	Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội	Kế toán	DTTS	TQU01276	20	52.50	52.50	52.50		TQU00041
127	Bùi Thị	Trang				13	10	1989	xã Xuân Vân - huyện Yên Sơn - tỉnh Tuyên Quang	Trường Đại học công nghiệp hà nội	Kế toán		TQU01277		40.00	35.00	70.00		TQU00151
128	Cao Thị Huyền	Trang				10	2	1989	Tân Mỹ - Chiêm Hóa - Tuyên Quang	Đại học Phương Đông	Tài chính - Ngân hàng	DTTS	TQU01278	20	VT	VT	VT		TQU00137
129	Đinh Kiều	Trang				18	7	1990	thôn Tân Thành, xã An Khang, tp Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang	Đại học Kỹ thuật công nghiệp Thái Nguyên	Kế toán doanh nghiệp		TQU01287		VT	VT	VT		TQU00035

ngb

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
130	Hoàng Thị Minh	Trang				4	8	1987	xã Hùng Sơn, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang	Học viện Tài chính	Kế toán doanh nghiệp		TQU01295		60.00	41.25	57.50		TQU00068
131	Lê Huyền	Trang				26	11	1993	tổ 21, phường Hưng Thành, tp Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang	Đại học Phương Đông	Tài chính - Ngân hàng		TQU01296		47.50	55.00	75.00		TQU00071
132	Lưu Thị Quỳnh	Trang				13	6	1993	xã Tư Mại, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang	Đại học Công nghiệp Việt - Hung	Tài chính - Ngân hàng		TQU01302		92.50	61.25	72.50		TQU00002
133	Nguyễn Minh	Trang				7	8	1994	thị trấn Tân Yên, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang	Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội	Ngân hàng		TQU01313		90.00	65.00	72.50		TQU00051
134	Nguyễn Thị Kiều	Trang				2	9	1994	xã Hồng Lạc, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang	Trường Đại học Công Đoàn	Luật		TQU01325		92.50	41.25	75.00		TQU00114
135	Nguyễn Thùy	Trang				27	8	1993	An Tường, tp Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang	Đại học Luật hà Nội	Luật		TQU01335		VT	VT	VT		TQU00047
136	Nguyễn Thùy	Trang				13	7	1991	Hải Trung - Hải Hậu - Nam Định	Đại học Điện Lực	Kế toán		TQU01334		42.50	33.75	40.00		TQU00131
137	Nông Thị Thu	Trang				15	12	1990	xã Thanh Tương, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang	Đại học Kinh tế - Kỹ thuật công nghiệp	Kế toán doanh nghiệp	DTTS	TQU01337	20	VT	VT	VT		TQU00098
138	Trần Thị Huyền	Trang				10	10	1993	Điện Bàn - Quảng Nam - Đà Nẵng	Đại học Điện lực	Kế toán doanh nghiệp		TQU01340		55.00	45.00	42.50		TQU00136
139	Hoàng Châu	Trình				10	10	1989	Khuân Hà, Na Hang, Tuyên Quang	Đại học Daegu Cyber	Quản trị kinh doanh	DTTS	TQU01350	20	55.00	MT	65.00		TQU00089
140	Nguyễn Thành	Trình	29	9	1990				Đan Phượng, Hà Nội	Đại học Điện lực	Kế toán		TQU01352		62.50	33.75	75.00		TQU00052
141	Nguyễn Thị Việt	Trình				10	1	1993	xã Khánh Hải, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình	Học viện Tài chính	Kiểm toán	DTTS	TQU01353	20	65.00	57.50	82.50		TQU00050
142	Phùng Thế	Trung	10	10	1985				xã Sơn Phú, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang	Đại học Công nghiệp Hà Nội	Kế toán	DTTS	TQU01363	20	42.50	32.50	55.00		TQU00025
143	Nguyễn Văn	Trường	15	6	1993				An Đạo, Phú Ninh, Phú Thọ	Học viện Tài chính	Tài chính doanh nghiệp	DTTS	TQU01364	20	95.00	67.50	80.00		TQU00077
144	Phan Văn	Trường	22	12	1992				Can Lộc - Hà Tĩnh	Trường Đại học lạc hồng	Kế toán - Kiểm toán		TQU01367		50.00	37.50	47.50		TQU00166
145	La Anh	Tú	13	5	1993				Năng Khả, Na Hang, Tuyên Quang	Học viện Tài chính	Kế toán doanh nghiệp	DTTS	TQU01371	20	VT	VT	VT		TQU00104
146	Kiều Anh	Tuấn	1	1	1993				phường Trường Thịnh, tx Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ	Đại học Tài chính - Ngân hàng Hà Nội	Kế toán		TQU01381		65.00	50.00	67.50		TQU00003
147	Nguyễn Mạnh	Tuấn	30	12	1991				xã Hồng Lạc, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang	Đại học dân lập Đông Đô	Tài chính - Ngân hàng		TQU01385		VT	VT	VT		TQU00034
148	Trương Anh	Tuấn	14	11	1986				xã Sơn Nam, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang	Đại học Đà Nẵng	Quản trị kinh doanh	DTTS	TQU01393	20	30.00	30.00	57.50		TQU00074
149	Nguyễn Mạnh	Tuyền	14	2	1987				thôn Bình Ca, xã Tứ Quận, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang	Trường Đại học công nghiệp hà nội	Kế toán		TQU01409		VT	VT	VT		TQU00169
150	Nguyễn Thị	Tuyền				8	4	1994	Duy Tiên - Hà Nam	Đại học Điện lực	Kế toán doanh nghiệp		TQU01410		45.00	40.00	52.50		TQU00127
151	Hoàng Quốc	Việt	16	7	1992				Sơn Đông - Lập Thạch - Vĩnh Phúc	Đại học Công đoàn	Ngân hàng Thương mại		TQU01442		37.50	40.00	85.00		TQU00124
152	Nguyễn Phú	Vinh	22	12	1994				tp Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang	Đại học Kinh tế quốc dân	Kinh tế tài nguyên		TQU01450		40.00	42.50	62.50		TQU00021
153	Mai Tuấn	Vĩnh	5	1	1992				xã Đông La, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình	Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội	Tài chính		TQU01452		VT	VT	VT		TQU00099
154	Dương Thị	Xuân				14	9	1988	Xã Đà Vĩ, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang	Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội	Kế toán	DTTS	TQU01461	20	72.50	11.25	62.50		TQU00110
155	Đỗ Hải	Yến				28	6	1992	thị trấn Sơn Dương, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang	Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội	Kế toán		TQU01465		45.00	31.25	62.50		TQU00054
156	Hoàng Hải	Yến				14	11	1993	Yên Nguyên - Chiêm Hóa - Tuyên Quang	Đại học Trà Vinh	Tài chính - Ngân hàng	DTTS	TQU01467	20	42.50	37.50	52.50		TQU00135
157	Lê Ngọc	Yến				24	10	1992	Thụy Lôi, Tiên Lữ, Hưng Yên	Đại học Phương Đông	Tài chính - Ngân hàng		TQU01470		57.50	MT	67.50		TQU00057
158	Nguyễn Thị Hoàng	Yến				29	11	1989	Ỗ La - Tuyên Quang	Đại học Quốc tế Bắc Hà	Tài chính - Ngân hàng		TQU01480		VT	VT	VT		TQU00138
159	Phạm Thị Hải	Yến				10	9	1988	thị trấn Vĩnh Lộc, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang	Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội	Kế toán	Con TB	TQU01483	20	50.00	41.25	52.50		TQU00066

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
II. Chuyên viên làm Công nghệ thông tin																			
1	Hoàng Văn	Đại	3	1	1992				Bản Ngoại, Đại từ, Thái Nguyên	Đại học Công nghệ thông tin và truyền thông Thái Nguyên	Công nghệ phần mềm	DTTS	TQU01490	20	72.50	35.00			TQU00029
2	Hoàng Khánh	Hưng	8	6	1989				thị trấn Na Hang, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang	Học viện Công nghệ bưu chính viễn thông	Điện tử - Viễn thông	DTTS	TQU01498	20	50.00	35.00			TQU00067
3	Hà Kim	Khánh				2	12	1991	thôn Thắm, xã Hùng Mỹ, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang	Đại học Đại Nam	Công nghệ thông tin	DTTS	TQU01501	20	35.00	27.50			TQU00076
4	Châu Văn	Kỳ	19	12	1989				xã Khuân Hà, huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang	Đại học Điện lực	Điện tử - Viễn thông	DTTS	TQU01502	20	62.50	31.25			TQU00064
5	Nguyễn Danh	Lộc	14	5	1984				Tân Quang, Văn Lâm, Hưng Yên	Viện Đại học Mở Hà Nội	Điện tử - Viễn thông	Con TB	TQU01504	20	65.00	48.75			TQU00056
6	Lê Minh	Ngọc	24	11	1983				xóm Hưng Thái, xã Hóa Thượng, huyện Đồn Hỷ, tỉnh Thái Nguyên	Đại học Công nghệ thông tin và truyền thông Thái Nguyên	Công nghệ phần mềm	Con NHĐKC bị NCDHH	TQU01512	20	62.50	47.50			TQU00011
III. Chuyên viên làm Văn thư lưu trữ																			
IV. Cán sự làm Công nghệ thông tin																			
V. Cán sự và Kiểm tra viên trung cấp thuế																			
1	Đàm Tuấn	Anh	14	5	1991				thị trấn Tân Yên, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang	Cao đẳng Kinh tế - Tài chính Thái Nguyên	Kế toán tổng hợp		TQU01536		32.00	26.00	40.00		TQU00094
2	Đinh Thị Lan	Anh				4	11	1994	Gia Khánh - Ninh Bình	Trường Cao đẳng Bách khoa Hưng Yên	Kế toán		TQU01537		VT	VT	VT		TQU00118
3	Phạm Thị Ngọc	Ánh				6	10	1994	thôn Nà Lăng, xã Quảng Chu, huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn	Cao đẳng Kinh tế - Tài chính Thái Nguyên	Kế toán doanh nghiệp		TQU01539		44.00	28.00	52.00		TQU00049
4	Phạm Duy	Điện	24	5	1984				xã Yên Đồng, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình	Cao đẳng công nghệ Bắc Hà	Kế toán		TQU01543		48.00	38.00	76.00		TQU00061
5	Trần Thị	Hằng				23	9	1993	huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang	Đại học Điện lực	Tài chính - Ngân hàng		TQU01546		VT	VT	VT		TQU00028
6	Đặng Hồng	Hiền				13	4	1993	Công Lý - huyện Lý Nhân - tỉnh Hà Nam	Trường Đại học Đại Nam	Kế toán		TQU01550		VT	VT	VT		TQU00146
7	Phạm Thị	Hồng				17	8	1991	Ninh An, Hoa Lư, Ninh Bình	Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Phú Thọ	Kế toán		TQU01556		84.00	40.00	80.00		TQU00015
8	Nguyễn Kim	Huê				29	11	1994	xã Tràng Đà, tp Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang	Cao đẳng Kinh tế - Tài chính Thái Nguyên	Kế toán tổng hợp		TQU01558		48.00	26.00	64.00		TQU00012
9	Trần Xuân	Huy	1	7	1989				Chiêm Hóa, Tuyên Quang	Cao đẳng Kinh tế - Tài chính Thái Nguyên	Kế toán doanh nghiệp sản xuất		TQU01562		76.00	34.00	64.00		TQU00044
10	Nguyễn Thị	Mai				5	2	1990	xã Phú Túc - huyện Phú Xuyên - Hà Nội	Trường học viện ngân hàng	Ngân hàng- Thương mại		TQU01574		VT	VT	VT		TQU00165
11	Phạm Thị	Phương				12	6	1993	Trung Đông, Trục Ninh, Nam Định	Cao đẳng Cộng đồng Hà Nội	Tài chính - Ngân hàng		TQU01586		48.00	38.00	76.00		TQU00093
12	Phạm Thu	Phương				4	9	1989	Nam Thanh, Nam Trục, Nam Định	Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Hải Dương	Kế toán tổng hợp		TQU01587		VT	VT	VT		TQU00096
13	Ma Thị Hồng	Vân				22	2	1994	Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang	Trường Đại học điện lực	Tài chính - Ngân hàng	DTTS	TQU01606	20	24.00	30.00	76.00		TQU00176
VI. Cán sự làm Văn thư lưu trữ																			
1	Nông Thị Hồng	Bích				11	5	1990	thôn 7, xã Nhân Mục, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang	Trường Đại học nội vụ	Ngành Lưu trữ học	DTTS	TQU01618	20	72.00	36.00	76.00		TQU00160
2	Đỗ Thị	Mai				29	3	1990	Yên Sơn, Tuyên Quang	Đại học Nội vụ	Văn thư - Lưu trữ		TQU01623		80.00	32.00	60.00		TQU00090